

Số : 417/XNK-CBTT

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
 - Mã chứng khoán: **AGM**
 - Địa chỉ: Số 01 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Điện thoại: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
 - E-mail: info@angimex.com
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.**
 - Giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán và Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán.**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 25/8/2023 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán.
- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Công văn số 416/XNK-TCKT ngày 24/8/2023 về việc giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán và Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, Người được UQ CBTT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thanh Tùng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**Báo cáo tài chính riêng
đã kiểm toán**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| 1. THÔNG TIN CHUNG | 1 - 3 |
| 2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 4 |
| 3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 5 - 6 |
| 4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 7 - 8 |
| 5. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG | 9 |
| 6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 10 |
| 7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 11 - 53 |

577
HINH
NG T
EM T
AO V
YG-T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

2. Hoạt động chính

- Xây xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

4. Hội đồng quản trị

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> | <i>Ngày miễn nhiệm</i> |
|-----------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| Ông Lê Tiến Thịnh | Chủ tịch | 29/12/2022 | - |
| Ông Đỗ Thành Nhân | Chủ tịch | 22/7/2021 | 19/4/2022 |
| Ông Trịnh Văn Bảo | Chủ tịch | 19/4/2022 | 28/6/2022 |
| Ông Nghiêm Hải Anh | Chủ tịch | 28/6/2022 | 29/12/2022 |
| Ông Vũ Ngọc Long | Phó Chủ tịch | 28/6/2022 | 29/12/2022 |
| Ông Hồ Đăng Dân | Thành viên | 28/6/2022 | 29/6/2023 |
| Ông Võ Kim Nguyên | Thành viên | 28/6/2022 | - |
| Ông Phạm Trung Kiên | Thành viên | 29/12/2022 | - |
| Ông Nguyễn Đồng Giang | Thành viên | 29/12/2022 | 29/6/2023 |
| Ông Đỗ Minh Đức | Thành viên | 29/6/2023 | - |
| Ông Nguyễn Đoàn Mạnh | Thành viên | 29/6/2023 | - |
| Ông Đặng Doãn Kiên | Thành viên | 22/7/2021 | 28/6/2022 |
| Ông Nguyễn Lê Văn | Thành viên | 22/7/2021 | 28/6/2022 |
| Ông Lê Văn Huy | Thành viên | 12/6/2020 | 15/3/2022 |
| Ông Trần Ngọc Thạch | Thành viên | 15/3/2022 | 28/6/2022 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

5. Ban kiểm soát

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> | <i>Ngày miễn nhiệm</i> |
|-----------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| Ông Lâm Trường | Trưởng ban | 28/6/2022 | 29/6/2023 |
| Ông Hồ Đăng Dân | Trưởng ban | 22/7/2021 | 28/6/2022 |
| Ông Dương Thanh Bình | Thành viên | 28/6/2022 | 29/6/2023 |
| Ông Huỳnh Minh Phương | Thành viên | 29/12/2022 | 29/6/2023 |
| Ông Nguyễn Bá Ngọc | Thành viên | 22/7/2021 | 28/6/2022 |
| Ông Hồ Lê Hoàng Anh | Thành viên | 22/7/2021 | 28/6/2022 |
| Bà Huỳnh Thị Kim Oanh | Thành viên | 28/6/2022 | 29/12/2022 |

6. Ủy ban kiểm toán

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> | <i>Ngày miễn nhiệm</i> |
|-------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| Ông Võ Kim Nguyên | Chủ tịch | 06/7/2023 | - |
| Ông Đỗ Minh Đức | Thành viên | 06/7/2023 | - |

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023, Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị thay thế hoạt động cho Ban kiểm soát được bãi nhiệm ngày 29/6/2023.

7. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> | <i>Ngày miễn nhiệm</i> |
|-------------------------|--------------------|----------------------|------------------------|
| Ông Huỳnh Thanh Tùng | Tổng Giám đốc | 04/3/2022 | - |
| Ông Võ Thanh Bào | Tổng Giám đốc | 20/9/2021 | 04/3/2022 |
| Ông Bùi Việt Dũng | Phó Tổng Giám đốc | 22/3/2021 | - |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hoa | Phó Tổng Giám đốc | 17/3/2023 | - |
| Bà Nguyễn Thị Minh Hồng | Phó Tổng Giám đốc | 31/10/2022 | 17/3/2023 |
| Ông Trần Vũ Đình Thi | Phó Tổng Giám đốc | 23/6/2021 | 03/7/2023 |
| Ông Quách Tất Liệt | Phó Tổng Giám đốc | 01/01/2022 | 03/7/2023 |
| Bà Trần Thị Cẩm Châm | Giám đốc tài chính | 13/01/2022 | 17/3/2023 |
| Bà Trần Thị Cẩm Châm | Kế toán trưởng | 22/6/2017 | - |

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Ông Huỳnh Thanh Tùng | Tổng Giám đốc |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
THÔNG TIN CHUNG

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

HUỲNH THANH TÙNG

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (“Công ty”) trình bày bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt các Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023



Số: 08.23.22/2023/BCKT/SV – CNI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023 từ trang 7 đến trang 53 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.7 của Báo cáo tài chính riêng cho thấy Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 178.173.849.284 VND, và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 350.000.000.000 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 67.968.085.701 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.8. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.7 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 18 tháng 02 năm 2022.



Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2023-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Trần Phương Yên
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 470.601.546.241 | 1.091.556.861.243 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | <i>110</i> | <i>V.1</i> | <i>3.951.452.553</i> | <i>228.425.294.646</i> |
| 1. Tiền | 111 | | 3.951.452.553 | 183.425.294.646 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 45.000.000.000 |
| <i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | <i>120</i> | | <i>62.340.000.000</i> | <i>58.500.000.000</i> |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2 | 62.505.203.375 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2 | (38.565.203.375) | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.3 | 38.400.000.000 | 58.500.000.000 |
| <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | <i>130</i> | | <i>353.129.099.437</i> | <i>666.547.187.909</i> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.4 | 71.274.227.366 | 289.604.207.549 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.5 | 245.196.027.442 | 209.990.927.925 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.6 | 1.700.000.000 | 12.800.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.7 | 78.387.460.569 | 156.053.678.053 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.8 | (43.428.615.940) | (1.901.625.618) |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | <i>140</i> | <i>V.9</i> | <i>34.913.329.209</i> | <i>126.027.127.032</i> |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 34.913.329.209 | 129.254.167.886 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | (3.227.040.854) |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | <i>150</i> | | <i>16.267.665.042</i> | <i>12.057.251.656</i> |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 690.942.020 | 335.021.542 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 15.576.723.022 | 11.537.595.586 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước | 153 | V.21 | - | 184.634.528 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 884.291.964.763 | 697.858.969.452 |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | <i>210</i> | | <i>2.532.247.406</i> | <i>1.834.247.406</i> |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | V.7 | 2.532.247.406 | 1.834.247.406 |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | <i>220</i> | | <i>274.401.327.546</i> | <i>270.645.623.836</i> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 57.610.269.608 | 192.918.702.396 |
| - Nguyên giá | 222 | | 243.257.462.086 | 392.061.698.270 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (185.647.192.478) | (199.142.995.874) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.12 | 88.405.663.692 | - |
| - Nguyên giá | 225 | | 90.792.387.627 | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (2.386.723.935) | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.13 | 128.385.394.246 | 77.726.921.440 |
| - Nguyên giá | 228 | | 133.070.096.556 | 80.963.961.581 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.684.702.310) | (3.237.040.141) |
| <i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i> | <i>240</i> | | <i>-</i> | <i>1.094.964.143</i> |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | 1.094.964.143 |
| <i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i> | <i>250</i> | | <i>600.553.596.248</i> | <i>417.440.298.000</i> |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | 677.342.694.927 | 195.200.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.15 | 56.751.148.000 | 95.951.148.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.16 | 19.950.000 | 126.289.150.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.17 | (133.560.196.679) | - |
| <i>VI. Tài sản dài hạn khác</i> | <i>260</i> | | <i>6.804.793.563</i> | <i>6.843.836.067</i> |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 6.804.793.563 | 5.926.391.212 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.18 | - | 917.444.855 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.354.893.511.004 | 1.789.415.830.695 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.225.582.360.288 | 1.367.792.480.709 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 966.844.563.410 | 1.023.588.775.542 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.19 | 114.854.047.191 | 19.907.767.873 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.20 | 19.467.158.051 | 140.958.105.796 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.21 | 989.343.233 | 6.039.377.358 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.538.682.170 | 1.976.338.391 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.22 | 24.717.522.244 | 7.846.481.875 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.23 | 4.664.492.083 | 4.591.640.451 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.24 | 795.893.181.836 | 837.816.047.196 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.25 | 4.720.136.602 | 4.453.016.602 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 258.737.796.878 | 344.203.705.167 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.23 | 668.200.000 | 976.381.818 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.24 | 256.079.898.862 | 340.799.833.333 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.26 | 1.989.698.016 | 2.427.490.016 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 129.311.150.716 | 421.623.349.986 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.27 | 129.311.150.716 | 421.623.349.986 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 182.000.000.000 | 182.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 182.000.000.000 | 182.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 120.464.000.000 | 120.464.000.000 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 5.021.000.000 | 5.021.000.000 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (178.173.849.284) | 114.138.349.986 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 113.138.349.986 | 85.951.785.049 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (291.312.199.270) | 28.186.564.937 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.354.893.511.004 | 1.789.415.830.695 |

Cao Phước Qui
Người lập

Trần Thị Cẩm Chân
Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám Đốc

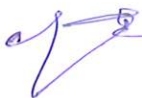
An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | Năm 2022 | Năm 2021 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 2.816.079.003.964 | 2.884.281.290.183 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 57.760.561 | 5.561.289.773 |
| 3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 2.816.021.243.403 | 2.878.720.000.410 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 2.675.451.441.766 | 2.763.925.559.456 |
| 5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ | 20 | | 140.569.801.637 | 114.794.440.954 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 50.525.249.382 | 52.047.920.822 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 286.278.059.068 | 18.700.344.006 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 83.990.728.135 | 12.632.017.746 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 138.153.398.274 | 89.144.919.273 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 70.377.920.568 | 25.206.810.424 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (303.714.326.891) | 33.790.288.073 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 14.825.600.614 | 1.689.502.640 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 769.186.234 | 410.387.643 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 14.056.414.380 | 1.279.114.997 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (289.657.912.511) | 35.069.403.070 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.21 | 736.841.904 | 6.773.825.639 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.18 | 917.444.855 | 109.012.494 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (291.312.199.270) | 28.186.564.937 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - |



Cao Phước Qui
Người lập



Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|-------|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (289.657.912.511) | 35.069.403.070 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 16.393.198.749 | 14.506.501.472 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 210.425.349.522 | 2.315.565.286 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (3.207.665.690) | 2.458.473.983 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (37.655.436.245) | (42.185.059.729) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 83.990.728.135 | 12.632.017.746 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (19.711.738.040) | 24.796.901.828 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 433.468.235.788 | (596.183.522.699) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 94.340.838.677 | (128.935.430.946) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN) | 11 | (42.095.987.767) | 166.810.000.548 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (1.234.322.829) | 509.834.909 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | (62.505.203.375) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (64.384.552.545) | (10.808.015.024) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (5.732.026.679) | (4.408.924.444) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | (731.550.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 332.145.243.230 | (548.950.705.828) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (168.454.688.648) | (199.344.877.348) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | 62.141.877.544 | 189.837.229 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (102.880.000.000) | (143.030.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 93.880.000.000 | 246.330.106.426 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (315.200.000.000) | (78.962.996.693) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 19.180.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 3.676.238.556 | 5.959.436.829 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (426.836.572.548) | (149.678.493.557) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 3. Tiền thu từ di vay | 33 | 2.417.802.164.065 | 2.514.579.712.586 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (2.513.914.672.425) | (1.689.488.315.390) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | (33.669.773.533) | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (129.782.281.893) | 825.091.397.196 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (224.473.611.211) | 126.462.197.811 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 228.425.294.646 | 102.145.552.300 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (230.882) | (182.455.465) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | | 3.951.452.553 | 228.425.294.646 |

Cao Phước Qui
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

2. Hoạt động chính

- Xay xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con sau:

| TT | Công ty con | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Hoạt động chính | Trụ sở chính |
|----|---|----------------------|------------------|---|----------------------|
| 1. | Công ty TNHH Lương thực Angimex | 100,00 | 100,00 | Kinh doanh lương thực | Long Xuyên, An Giang |
| 2. | Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông thôn Đồng Tháp | 100,00 | 100,00 | Sản xuất phân bón | Cao Lãnh, Đồng Tháp |
| 3. | Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex | 100,00 | 100,00 | Kinh doanh lương thực | Tri Tôn, An Giang |
| 4. | Công ty TNHH Angimex Furious | 70,00 | 70,00 | Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa | Long Xuyên, An Giang |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| | | | | | |
|----|--|--------|---------|-------------------------------|---------------------|
| 5. | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex | 100,00 | 100,00 | Hoạt động dịch vụ nông nghiệp | Thoại Sơn, An Giang |
| 6. | Công ty TNHH MTV Thu mua Lương thực Angimex (*) | 100,00 | 100,00 | Mua bán lương thực | Thoại Sơn, An Giang |
| 7. | Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh (*) | 100,00 | 100,000 | Sản xuất các sản phẩm từ trấu | Cao Lãnh, Đồng Tháp |
| 8. | Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex) | 100,00 | 100,00 | Kinh doanh lương thực | Thoại Sơn, An Giang |

(*) Thực tế, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa góp vốn vào các Công ty con này. Riêng Công ty TNHH thu mua lương thực Angimex, Công ty đã làm thủ tục giải thể, đóng mã số thuế vào ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

| TT | Công ty liên doanh, liên kết | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Hoạt động chính | Trụ sở chính |
|----|--|----------------------|------------------|-----------------------------------|----------------------|
| 1. | Công ty TNHH Angimex - Kitoku | 32,96 | 32,96 | Xuất nhập khẩu gạo | Long Xuyên, An Giang |
| 2. | Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang | 25,00 | 25,00 | Kinh doanh siêu thị | Long Xuyên, An Giang |
| 3. | Công ty CP Golden Paddy | 29,55 | 29,55 | Sản xuất và kinh doanh lương thực | Châu Thành, An Giang |
| 4. | Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex | 49,00 | 49,00 | Kinh doanh lương thực | TP.Hồ Chí Minh |

Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại tầng 4, số 353 – 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động của Chi nhánh: kinh doanh lương thực.

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 117 nhân viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 130 nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Mục đích lập Báo cáo tài chính riêng

Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các Công ty con là những Công ty mà Nhóm Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Dự phòng phải trả dài hạn

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ kế toán. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

7. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

| Nhóm TSCĐ | Thời gian khấu hao ước tính |
|--|-----------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |

10. Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

13. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

14. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

17. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán riêng này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Công ty trích lập các quỹ sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Tiền lãi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Thu nhập lãi khác được ghi nhận khi được hưởng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

22. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của Bảng cân đối kế toán riêng nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

24. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ mua bán chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

25. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

27. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

28. Bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết là các bên liên quan. Các bên liên doanh, liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên doanh, liên kết này hoặc những công ty liên doanh, liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

29. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 41.889.070 | 1.017.855.372 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.909.563.483 | 182.407.439.274 |
| Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | - | 45.000.000.000 |
| Cộng | <u>3.951.452.553</u> | <u>228.425.294.646</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2022 | | | 01/01/2022 | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-------------------------|------------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Công ty CP Tư vấn thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân | 62.505.203.375 | 23.940.000.000 | (38.565.203.375) | - | - | - |
| Cộng | 62.505.203.375 | 23.940.000.000 | (38.565.203.375) | - | - | - |

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 38.400.000.000 | 38.400.000.000 | 58.500.000.000 | 58.500.000.000 |
| Cộng | 38.400.000.000 | 38.400.000.000 | 58.500.000.000 | 58.500.000.000 |

(*) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,4%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| Bên liên quan | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Dự phòng | Số đầu năm | Dự phòng |
| Bên thứ ba | 71.274.227.366 | (17.877.461.340) | 280.516.358.178 | (1.716.781.618) |
| - Moi International | - | - | 52.658.239.028 | - |
| - Cty TNHH Lương thực Khánh Hân | - | - | 31.573.350.400 | - |
| - Công ty TNHH XNK Lương thực C&N | - | - | 29.916.504.000 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Helen | - | - | 31.008.782.000 | - |
| - Công ty Cổ Phần Golden Paddy SG | 23.054.500.000 | (16.138.150.000) | - | - |
| - Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Nam Bộ | 21.174.500.000 | - | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ | 19.924.000.000 | - | - | - |
| - Khách hàng khác | 7.121.227.366 | (1.739.311.340) | 135.359.482.750 | (1.716.781.618) |
| Cộng | 71.274.227.366 | (17.877.461.340) | 289.604.207.549 | (1.716.781.618) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 24.797.403.240 VND và 1.913.330.240 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Dự phòng | Số đầu năm | Dự phòng |
| Bên liên quan | - | - | 1.049.190.000 | - |
| Bên thứ ba | 245.196.027.442 | (25.318.573.000) | 208.941.737.925 | - |
| Huỳnh Thị Thúy Vy (*) | 179.240.016.890 | - | 105.700.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang | - | - | 40.400.000.000 | - |
| Công ty TNHH Tân Kỳ | 8.100.000.000 | - | 22.570.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An | 36.169.390.000 | (25.318.573.000) | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 21.686.620.552 | - | 40.271.737.925 | (184.844.000) |
| Cộng | 245.196.027.442 | (25.318.573.000) | 209.990.927.925 | (184.844.000) |

(*) Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 6 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên cho Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLDD ngày 14/02/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 36.169.390.000 VND và 184.844.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Số cuối năm | Dự phòng | Số đầu năm | Dự phòng |
| Bên liên quan | - | - | 12.800.000.000 | - |
| Bên thứ ba | 1.700.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH SXTM Lê Phúc Khang | 1.700.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 1.700.000.000 | - | 12.800.000.000 | - |

Số dư thể hiện các khoản cho vay có thời hạn dưới 12 tháng, với lãi suất 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Phải thu khác**7.1. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------------------|------------------------|----------|
| | Số cuối năm | Dự phòng | Số đầu năm | Dự phòng |
| <i>Bên liên quan</i> | 69.887.110.600 | - | 137.620.348.670 | - |
| <i>Bên thứ ba</i> | 8.500.349.969 | - | 18.433.329.383 | - |
| - Tạm ứng hợp đồng đi thuê tài chính | 1.500.000.000 | - | 14.282.333.675 | - |
| - Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận | 1.427.293.879 | - | - | - |
| - Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp | - | - | 2.720.000.000 | - |
| - Lãi tiền gửi | 719.852.054 | - | 1.038.017.808 | - |
| - Tạm ứng | 4.483.530.745 | - | 341.592.609 | - |
| - Phải thu ngắn hạn khác | 369.673.291 | (232.581.600) | 51.385.291 | - |
| Cộng | 78.387.460.569 | (232.581.600) | 156.053.678.053 | - |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 318.288.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

7.2. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Số cuối năm | Dự phòng | Số đầu năm | Dự phòng |
| <i>Bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Bên thứ ba</i> | 2.532.247.406 | - | 1.834.247.406 | - |
| - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 2.532.247.406 | - | 1.834.247.406 | - |
| Cộng | 2.532.247.406 | - | 1.834.247.406 | - |

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

| Khoản mục | Thời gian quá hạn | Nợ khó đòi | Đã lập dự phòng | Chưa lập dự phòng |
|------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | Từ 1 đến 3 năm | 24.797.403.240 | (17.877.461.340) | 6.919.941.900 |
| Trả trước cho người bán ngắn | Dưới 1 năm | 36.169.390.000 | (25.318.573.000) | 10.850.817.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | Từ 1 đến 3 năm | 318.288.000 | (232.581.600) | 85.706.400 |
| Cộng | | 61.285.081.240 | (43.428.615.940) | 17.856.465.300 |

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021 như sau:

| Khoản mục | Thời gian quá hạn | Nợ khó đòi | Đã lập dự phòng | Chưa lập dự phòng |
|---|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | Từ 1 đến 3 năm | 2.098.174.240 | (1.901.625.618) | 196.548.622 |
| Cộng | | 2.098.174.240 | (1.901.625.618) | 196.548.622 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (1.901.625.618) | (1.686.584.746) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (41.526.990.322) | (215.040.872) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối năm | (43.428.615.940) | (1.901.625.618) |

9. Hàng tồn kho

| | <u>31/12/2022</u> | | <u>01/01/2022</u> | |
|-----------------------|-----------------------|----------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 510.712.756 | - | 6.487.491.607 | - |
| Công cụ dụng cụ | 7.870.654.277 | - | 6.261.850.867 | - |
| Sản phẩm dở dang | - | - | 2.031.935.198 | - |
| Thành phẩm | 8.603.876.431 | - | 44.703.767.439 | (2.650.929.489) |
| Hàng hóa | 17.928.085.745 | - | 69.769.122.775 | (576.111.365) |
| Cộng | 34.913.329.209 | - | 129.254.167.886 | (3.227.040.854) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần hàng tồn kho của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------|------------------------|
| Số đầu năm | (3.227.040.854) | (318.736.940) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (2.908.303.914) |
| Hoàn nhập dự phòng | 3.227.040.854 | - |
| Số cuối năm | - | (3.227.040.854) |

10. Chi phí trả trước**10.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 54.472.539 | 263.569.714 |
| Khác | 636.469.481 | 71.451.828 |
| Cộng | 690.942.020 | 335.021.542 |

10.2. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí san lấp mặt bằng | 2.945.263.256 | 3.093.367.111 |
| Công cụ và dụng cụ | 153.963.677 | 523.644.542 |
| Khác | 3.705.566.630 | 2.309.379.559 |
| Cộng | 6.804.793.563 | 5.926.391.212 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 135.571.600.878 | 237.041.075.218 | 13.129.314.853 | 6.319.707.321 | 392.061.698.270 |
| Mua trong kỳ | 1.983.146.364 | 49.658.100.627 | 1.054.318.182 | 5.209.123.475 | 57.904.688.648 |
| Đầu tư XDCB hoàn Thành | 430.459.000 | - | - | - | 430.459.000 |
| Góp vốn | (32.048.745.988) | (99.041.356.150) | - | (3.835.118.478) | (134.925.220.616) |
| Thanh lý, nhượng bán | (3.805.760.601) | (64.520.311.706) | (3.571.590.909) | (316.500.000) | (72.214.163.216) |
| Phân loại lại | - | (3.807.527.977) | (42.088.728) | 3.849.616.705 | - |
| Số cuối năm | 102.130.699.653 | 119.329.980.012 | 10.569.953.398 | 11.226.829.023 | 243.257.462.086 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số đầu năm | 74.802.436.420 | 107.786.102.334 | 10.872.349.850 | 5.682.107.270 | 199.142.995.874 |
| Khấu hao trong kỳ | 3.705.597.721 | 7.546.091.811 | 585.682.055 | 717.867.338 | 12.555.238.925 |
| Góp vốn | (84.448.975) | (919.751.729) | - | (37.114.050) | (1.041.314.754) |
| Thanh lý, nhượng bán | (13.688.716.521) | (9.585.641.110) | (1.418.869.936) | (316.500.000) | (25.009.727.567) |
| Phân loại lại | - | - | (37.468.796) | 37.468.796 | - |
| Số cuối năm | 64.734.868.645 | 104.826.801.306 | 10.001.693.173 | 6.083.829.354 | 185.647.192.478 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 60.769.164.458 | 129.254.972.884 | 2.256.965.003 | 637.600.051 | 192.918.702.396 |
| Số cuối năm | 37.395.831.008 | 14.503.178.706 | 568.260.225 | 5.142.999.669 | 57.610.269.608 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 125.405.536.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 119.535.046.514 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần máy móc thiết bị của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Tài sản cố định thuê tài chính

| | <i>Máy móc thiết bị</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|--------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Thuê tài chính trong năm | 90.792.387.627 | 90.792.387.627 |
| Số cuối năm | 90.792.387.627 | 90.792.387.627 |
| Hao mòn lũy kế | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Khấu hao trong năm | 2.386.723.935 | 2.386.723.935 |
| Số cuối năm | 2.386.723.935 | 2.386.723.935 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Số cuối năm | 88.405.663.692 | 88.405.663.692 |

Số dư thể hiện máy móc thiết bị thuê tài chính được thuê từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hợp đồng cho thuê có thời hạn là 60 tháng với lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn. Công ty được quyền mua lại tài sản thuê tài chính này sau khi hợp đồng cho thuê kết thúc với giá bán lại được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

13. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| <i>Chỉ tiêu</i> | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Phần mềm quản lý</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 80.006.463.581 | 957.498.000 | 80.963.961.581 |
| Mua trong năm | 110.350.000.000 | - | 110.350.000.000 |
| Góp vốn | (58.112.362.785) | - | (58.112.362.785) |
| Thanh lý, nhượng bán | (131.502.240) | - | (131.502.240) |
| Số cuối năm | 132.112.598.556 | 957.498.000 | 133.070.096.556 |
| Hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm | 2.761.741.658 | 475.298.483 | 3.237.040.141 |
| Khấu hao trong năm | 1.312.011.289 | 139.224.600 | 1.451.235.889 |
| Góp vốn | (3.573.720) | - | (3.573.720) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| Số cuối năm | 4.070.179.227 | 614.523.083 | 4.684.702.310 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 77.244.721.923 | 482.199.517 | 77.726.921.440 |
| Số cuối năm | 128.042.419.329 | 342.974.917 | 128.385.394.246 |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 261.375.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, một phần quyền sử dụng đất của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu (Thuyết minh V.24).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Đầu tư vào Công ty con

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|------------------------|--------------------------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO | 15.200.000.000 | - | 15.200.000.000 | - |
| Công ty TNHH Lương thực Angimex | 80.000.000.000 | (20.752.093.304) | 180.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Angimex Furious | 84.750.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex | 491.992.694.927 | (93.161.560.826) | - | - |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex | 5.400.000.000 | (1.100.088.883) | - | - |
| Cộng | 677.342.694.927 | (115.013.743.013) | 195.200.000.000 | - |

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty con

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|------------------------|-----------|------------------------|-----------|
| | Giá gốc | Tỷ lệ (%) | Giá gốc | Tỷ lệ (%) |
| Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO | 15.200.000.000 | 100% | 15.200.000.000 | 100% |
| Công ty TNHH Lương thực Angimex | 80.000.000.000 | 100% | 180.000.000.000 | 100% |
| Công ty TNHH Angimex Furious | 84.750.000.000 | 70% | - | - |
| Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex | 491.992.694.927 | 100% | - | - |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex | 5.400.000.000 | 100% | - | - |
| Cộng | 677.342.694.927 | - | 195.200.000.000 | - |

15. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Cty TNHH Angimex - Kitoku | 2.951.148.000 | - | 2.951.148.000 | - |
| Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang | 11.500.000.000 | - | 11.500.000.000 | - |
| Cty CP Golden Paddy | 32.500.000.000 | (18.106.962.243) | 32.500.000.000 | - |
| Cty TNHH Angimex Furious | - | - | 49.000.000.000 | - |
| Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex | 9.800.000.000 | (419.541.423) | - | - |
| Cộng | 56.751.148.000 | (18.526.503.666) | 95.951.148.000 | - |

Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty liên doanh, liên kết

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------|-----------------------|-----------|
| | Giá gốc | Tỷ lệ (%) | Giá gốc | Tỷ lệ (%) |
| Cty TNHH Angimex - Kitoku | 2.951.148.000 | 32,96% | 2.951.148.000 | 32,96% |
| Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang | 11.500.000.000 | 25,00% | 11.500.000.000 | 25,00% |
| Cty CP Golden Paddy | 32.500.000.000 | 29,55% | 32.500.000.000 | 29,55% |
| Cty TNHH Angimex Furious | - | - | 49.000.000.000 | 49,00% |
| Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex | 9.800.000.000 | 49,00% | - | - |
| Cộng | 56.751.148.000 | - | 95.951.148.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|-------------------------|-------------------|---------------------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty CP DAP Vinachem | - | - | 126.289.150.000 | - |
| Đơn vị khác | 19.950.000 | (19.950.000) | - | - |
| Cộng | 19.950.000 | (19.950.000) | 126.289.150.000 | - |

Trong năm 2022. Công ty đã nhượng bán toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP DAP Vinachem và ghi nhận khoản lãi từ hoạt động đầu tư này vào doanh thu tài chính số tiền 22.062.617.375 VND.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------------|------------|
| - Đầu tư vào Công ty con | (115.013.743.013) | - |
| - Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | (18.526.503.666) | - |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | (19.950.000) | - |
| Cộng | (133.560.196.679) | - |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|------------------------|-----------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (133.540.246.679) | - |
| Điều chỉnh cho năm trước | (19.950.000) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối năm | 133.560.196.679 | - |

18. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|--------------------|
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | - | - |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng | - | 485.498.003 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng | - | 431.946.852 |
| Cộng | - | 917.444.855 |

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 917.444.855 | 1.026.457.349 |
| Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | (917.444.855) | (109.012.494) |
| Số dư cuối năm | - | 917.444.855 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------|--------------------|
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | - | 485.498.003 |
| Khác | - | 431.946.852 |
| Cộng | - | 917.444.855 |

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2021 là 15% và 20% .

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản chênh lệch tạm thời như lãi vay trong giao dịch liên kết không được trừ trong năm nay, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kế toán ... vì Công ty ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Bên liên quan | 108.834.655.205 | - |
| Bên thứ ba | 6.019.391.986 | 19.907.767.873 |
| - Cty TNHH MTV Kho Vận Wings Global | 782.832.255 | 6.802.212.229 |
| - Cty TNHH Phạm Trí Nguyễn | - | 3.274.166.519 |
| - Cty TNHH vận chuyển Thuận Phong | 186.604.920 | 2.099.409.255 |
| - Cty CP Tiếp vận Phước Tạo | 117.080.856 | 1.919.509.998 |
| - Khác | 4.932.873.955 | 5.812.469.872 |
| Cộng | 114.854.047.191 | 19.907.767.873 |

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Bên liên quan | 8.930.880.721 | 125.630.540.020 |
| Bên thứ ba | 10.536.277.330 | 15.327.565.776 |
| - Isaj Sea Transport Corporation | 6.878.690.854 | - |
| - Khác | 3.657.586.476 | 15.327.565.776 |
| Cộng | 19.467.158.051 | 140.958.105.796 |

21. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------|--------------------|----------------------|------------------------|------------------------|-------------|--------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải thu | Phải nộp |
| - Thuế TNDN | - | 5.732.026.679 | 736.841.904 | (5.732.026.679) | - | 736.841.904 |
| - Thuế TNCN | - | 307.350.679 | 1.441.084.121 | (1.495.933.471) | - | 252.501.329 |
| - Thuế nhà đất | 184.634.528 | - | 1.391.402.197 | (1.206.767.669) | - | - |
| - Thuế khác | - | - | 803.261.860 | (803.261.860) | - | - |
| Cộng | 184.634.528 | 6.039.377.358 | 4.372.590.082 | (9.237.989.679) | - | 989.343.233 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (289.657.912.511) | 35.069.403.070 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 96.906.123.454 | 1.821.631.058 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (1.594.002.231) | (3.021.905.932) |
| Thu nhập chịu thuế | (194.345.791.288) | 33.869.128.196 |
| Lỗ được chuyển lỗ | (198.030.000.807) | - |
| Thu nhập tính thuế | 3.684.209.519 | 33.869.128.196 |
| Trong đó, | | |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | | |
| Hoạt động kinh doanh lương thực | 15% | 15% |
| Hoạt động khác (kể cả bất động sản) | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 736.841.904 | 6.773.825.639 |
| Tổng thuế TNDN phải nộp | 736.841.904 | 6.773.825.639 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 22.091.324.025 | 2.485.148.435 |
| Phí quản lý tài sản | - | 2.000.000.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 1.696.000.000 | 420.278.000 |
| Khác | 930.198.219 | 2.941.055.440 |
| Cộng | 24.717.522.244 | 7.846.481.875 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Phải trả khác**23.1. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| - Kinh phí công đoàn | 1.561.084.893 | 1.317.814.893 |
| - Phải trả về cổ phần hóa | 2.417.578.793 | 2.417.578.793 |
| - Các khoản phải trả khác | 685.828.397 | 856.246.765 |
| Cộng | 4.664.492.083 | 4.591.640.451 |

23.2. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| Bên thứ ba | | |
| - Nhận tiền ký quỹ | 668.200.000 | 976.381.818 |
| Cộng | 668.200.000 | 976.381.818 |

24. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 795.893.181.836 | 837.816.047.196 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 256.079.898.862 | 340.799.833.333 |
| Cộng | 1.051.973.080.698 | 1.178.615.880.529 |

24.1. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Bên liên quan | 1.900.000.000 | - |
| Công ty TNHH Angimex Furious (VND) (24.1.8) | 1.900.000.000 | - |
| Bên thứ ba | 439.052.840.776 | 837.816.047.196 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND) (24.1.1.) | 2.863.547.692 | 33.123.484.500 |
| Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (24.1.2.) | 23.530.000.000 | 72.513.803.496 |
| Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (USD) (24.1.2.) | 290.046.510.000 | 578.372.035.440 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (VND) (24.1.3) | 6.976.300.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (USD) | - | 16.367.813.760 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (VND) (24.1.4) | 390.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (USD) (24.1.4) | 27.440.967.300 | 55.649.760.000 |
| Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP Hồ Chí Minh (USD) (24.1.5) | 78.207.870.000 | - |
| Vay cá nhân - Trần Thị Thùy Dương (VND) (24.1.6) | 2.079.319.000 | - |
| Công ty CP chứng khoán Trí Việt (VND) | - | 81.789.150.000 |
| Vay cán bộ công nhân viên (VND) (24.1.7) | 7.518.326.784 | - |
| Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả | 354.940.341.060 | - |
| Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh (VND) | 5.919.507.725 | - |
| Trái phiếu AGMH2123001 - Nợ gốc (24.1.9) | 350.000.000.000 | - |
| Trái phiếu AGMH2123001 - Phí | (979.166.665) | - |
| Cộng | 795.893.181.836 | 837.816.047.196 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 24.1.1. Khoản vay ngắn hạn theo hình thức thế tín dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, không có tài sản thế chấp.
- 24.1.2. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/548402/HDTD, có kỳ hạn từ 105 ngày đến 4 tháng với lãi suất từ 3,6%/năm đến 9,5%/năm: Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.11 và Thuyết minh V.13)
- 24.1.3. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 469/2021 /HĐTĐ/AGG/01, có kỳ hạn 8 tháng với lãi suất 8,75%/năm. Khoản vay nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty (Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.4. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 4245/22MN/HĐTĐ, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất từ 5,55%/năm đến 12%/năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.5. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 3126/22/TĐ/I, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất 5% năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Công ty (Thuyết minh V.13).
- 24.1.6. Khoản vay ngắn hạn với cá nhân theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTĐ/2022 đến số 07/HĐTĐ/2022 có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.7. Khoản vay ngắn hạn với các cán bộ công nhân viên Công ty theo Thông báo số 489//TB-XNK có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.8. Khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan, có kỳ hạn dưới 12 tháng với lãi suất theo từng thời kỳ. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.9. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là ngày 09 tháng 11 năm 2023. Theo Biên bản Hội nghị sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 837.816.047.196 | 273.889.500.000 |
| Số tiền vay phát sinh | 2.007.455.544.199 | 2.253.414.862.586 |
| Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá | 3.139.482.062 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang | 354.940.341.060 | - |
| Số tiền vay đã trả | (2.407.458.232.681) | (1.689.488.315.390) |
| Số cuối năm | 795.893.181.836 | 837.816.047.196 |

24.2. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Nợ thuê tài chính | 46.551.398.860 | - |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM | 46.551.398.860 | - |
| Vay trái phiếu | 209.528.500.002 | 340.799.833.333 |
| Trái phiếu AGMH2223001 – Nợ gốc (24.2.1) | 210.001.000.000 | 342.954.000.000 |
| Trái phiếu AGMH2223001 – Phí | (472.499.998) | (2.154.166.667) |
| Cộng | 256.079.898.862 | 340.799.833.333 |

24.2.1. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/7/2023, đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/9/2024.

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 340.799.833.333 | - |
| Số tiền vay phát sinh | 410.346.619.866 | 342.954.000.000 |
| Số tiền vay đã trả | (140.126.213.277) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang ngắn hạn | (354.940.341.060) | - |
| Giảm khác | - | (2.154.166.667) |
| Số cuối năm | 256.079.898.862 | 340.799.833.333 |

25. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.453.016.602 | 4.184.566.602 |
| Trích quỹ trong năm | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Thu quỹ phòng chống thiên tai | 9.963.374 | - |
| Sử dụng quỹ | (742.843.374) | (731.550.000) |
| Cộng | 4.720.136.602 | 4.453.016.602 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

26. Dự phòng phải trả dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên | 1.989.698.016 | 2.427.490.016 |
| Cộng | <u>1.989.698.016</u> | <u>2.427.490.016</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

27. **Vốn chủ sở hữu**

27.1 *Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

| | <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i> | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | <i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i> | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|-------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|--|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 182.000.000.000 | 120.464.000.000 | 5.021.000.000 | 86.951.785.049 | 394.436.785.049 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 28.186.564.937 | 28.186.564.937 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (1.000.000.000) | (1.000.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 182.000.000.000 | 120.464.000.000 | 5.021.000.000 | 114.138.349.986 | 421.623.349.986 |
| | <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i> | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | <i>Quỹ khác của chủ sở hữu</i> | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Số dư đầu năm nay | 182.000.000.000 | 120.464.000.000 | 5.021.000.000 | 114.138.349.986 | 421.623.349.986 |
| Lợi nhuận trong năm nay (*) | - | - | - | (291.312.199.270) | (291.312.199.270) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**) | - | - | - | (1.000.000.000) | (1.000.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 182.000.000.000 | 120.464.000.000 | 5.021.000.000 | (178.173.849.284) | 129.311.150.716 |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 254/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2022 do kinh doanh của Công ty không có lợi nhuận; đồng thời không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020, 2021 mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và 2022 đã thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Chi tiết lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> |
|--|--------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế các năm trước chưa chia | 113.138.349.986 |
| Lợi nhuận sau thuế các năm nay của HĐKD bất động sản | 2.029.922.760 |
| Cổ tức được chia và các khoản không chịu thuế | 1.594.002.231 |
| Lỗ được phép chuyển lỗ đến 2027 | (198.030.000.807) |
| Lỗ không được phép chuyển lỗ | (96.906.123.454) |
| Cộng | (178.173.849.284) |

(**) Trích lập quỹ phúc lợi năm 2022 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/3/2022: 1.000.000.000 VND.

Vốn góp của các cổ đông như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|------------------------|-------------|------------------------|
| | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) | VND |
| Công ty cổ phần Louis Holdings | - | - | 23% | 41.859.500.000 |
| Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | - | - | 28% | 51.265.500.000 |
| Các cổ đông khác | 100% | 182.000.000.000 | 49% | 88.875.000.000 |
| Cộng | 100% | 182.000.000.000 | 100% | 182.000.000.000 |

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

27.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| ▪ Vốn góp đầu năm | 182.000.000.000 | 182.000.000.000 |
| ▪ Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| ▪ Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| ▪ Vốn góp cuối năm | 182.000.000.000 | 182.000.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

27.3 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

27.4 Cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| - Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 18.200.000 | 18.200.000 |
| - Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 18.200.000 | 18.200.000 |
| ▪ Cổ phiếu thường | 18.200.000 | 18.200.000 |
| ▪ Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| ▪ Cổ phiếu thường | - | - |
| ▪ Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 18.200.000 | 18.200.000 |
| ▪ Cổ phiếu thường | 18.200.000 | 18.200.000 |
| ▪ Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**28.1. Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 8.768,92 | 2.319.925,00 |

28.2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh VIII.4

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| Doanh thu | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng nông sản | 2.780.164.001.404 | 2.849.141.044.222 |
| Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng | - | 419.250.006 |
| Doanh thu khác | 35.915.002.560 | 34.720.995.955 |
| Cộng | 2.816.079.003.964 | 2.884.281.290.183 |
| Các khoản giảm trừ | | |
| Chiết khấu thương mại | - | (5.561.289.773) |
| Hàng bán bị trả lại | (57.760.561) | - |
| Cộng | (57.760.561) | (5.561.289.773) |
| Doanh thu thuần | | |
| Doanh thu thuần bán hàng nông sản | 2.780.106.240.843 | 2.843.579.754.449 |
| Doanh thu thuần bán xe gắn máy và phụ tùng | - | 419.250.006 |
| Doanh thu thuần khác | 35.915.002.560 | 34.720.995.955 |
| Cộng | 2.816.021.243.403 | 2.878.720.000.410 |

Trong đó,

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Công ty con | 489.024.521.971 | 769.181.387.216 |
| - Công ty liên doanh, liên kết | 788.458.800 | 14.680.127.795 |
| Cộng | 489.812.980.771 | 783.861.515.011 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn hàng nông sản | 2.675.451.441.766 | 2.763.506.309.450 |
| - Giá vốn hàng xe gắn máy và phụ tùng | - | 419.250.006 |
| Cộng | 2.675.451.441.766 | 2.763.925.559.456 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 2.588.211.953 | 4.289.289.437 |
| Lợi nhuận được chia | 1.088.026.603 | 2.234.076.432 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 5.046.490 | 351.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 21.542.609.817 | 8.885.188.822 |
| Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 3.207.665.690 | - |
| Chiết khấu thanh toán được hưởng | 31.071.454 | - |
| Lãi thuần từ việc chuyển nhượng công ty con | - | 35.700.000.000 |
| Lãi đầu tư hoạt động tài chính khác | 22.062.617.375 | 939.015.131 |
| Cộng | 50.525.249.382 | 52.047.920.822 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi tiền vay | 83.990.728.135 | 12.632.017.746 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 28.158.528.793 | 3.609.852.277 |
| Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | - | 2.458.473.983 |
| Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | 133.540.246.679 | - |
| Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 38.565.203.375 | - |
| Chi phí do các hoạt động tài chính khác | 2.023.352.086 | - |
| Cộng | 286.278.059.068 | 18.700.344.006 |

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 4.451.823.700 | 2.449.496.303 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 43.782.206.884 | 17.092.790.080 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 38.138.826 | 25.949.052 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 86.856.967.499 | 68.168.834.038 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.024.261.365 | 1.407.849.800 |
| Cộng | 138.153.398.274 | 89.144.919.273 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 14.167.395.450 | 11.221.252.676 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.446.906.401 | 2.816.747.575 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 2.393.640.733 | 784.050.472 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.445.412.587 | 1.340.415.103 |
| Chi phí dự phòng | 41.526.990.322 | 215.040.872 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.682.178.999 | 2.171.925.783 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.715.396.076 | 6.657.377.943 |
| Cộng | 70.377.920.568 | 25.206.810.424 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập nhượng bán, thanh lý TSCĐ | 13.939.932.400 | - |
| - Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ | 61.275.870.289 | - |
| - Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý | (47.335.937.889) | - |
| Thu nhập khác | 885.668.214 | 1.689.502.640 |
| Cộng | <u>14.825.600.614</u> | <u>1.689.502.640</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ | - | 190.246.152 |
| Chi phí khác | 769.186.234 | 220.141.491 |
| Cộng | <u>769.186.234</u> | <u>410.387.643</u> |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Chi phí nguyên vật liệu | 492.336.094.005 | 412.461.008.175 |
| - Chi phí nhân công | 19.914.316.106 | 15.326.721.235 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 9.498.514.014 | 14.506.501.472 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 81.602.842.599 | 75.176.138.467 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 31.861.280.719 | 37.120.178.249 |
| Cộng | <u>635.213.047.443</u> | <u>554.590.547.598</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Góp vốn bằng khoản vay ngắn hạn | - | 81.789.150.000 |
| Góp vốn bằng tài sản cố định và công cụ dụng cụ | 191.992.694.927 | 18.017.053.307 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Công nợ tiềm tàng

Chi phí hoàn nguyên liên quan đến đất thuê

Công ty có các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện đầy đủ việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Đa số các hợp đồng không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Ban Tổng Giám đốc đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không nêu rõ điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|-------------|----------------|
| - Ông Quách Tất Liệt (*) | - | 18.760.000.000 |
| Cộng | - | 18.760.000.000 |

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng để thực hiện công việc kinh doanh của Công ty và đã được hoàn ứng trong tháng 01 năm 2022. Tại thời điểm nhận tạm ứng, cá nhân này chưa phải là bên liên quan của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị | Chức danh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|------------|--------------------|----------------------|
| Nguyễn Văn Tiến | Chủ tịch | - | 350.000.000 |
| Lê Huỳnh Gia Hoàng | Chủ tịch | - | 119.000.000 |
| Đỗ Thành Nhân | Chủ tịch | 335.000.000 | 335.000.000 |
| Trịnh Văn Bảo | Chủ tịch | 211.000.000 | |
| Nguyễn Minh Tân | Chủ tịch | - | 40.000.000 |
| Cao Thị Phi Hoàng | Chủ tịch | - | 40.000.000 |
| Nguyễn Thị Thu Thảo | Thành viên | - | 40.000.000 |
| Lê Văn Huy | Thành viên | 60.000.000 | 90.000.000 |
| Trịnh Văn Bảo | Thành viên | 54.000.000 | 50.000.000 |
| Đặng Doãn Kiên | Thành viên | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Nguyễn Lê Văn | Thành viên | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Tổng thu nhập | | 760.000.000 | 1.164.000.000 |

| Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và nhân sự quản lý khác | Chức danh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|----------------------|----------------------|
| Huỳnh Thanh Tùng | Tổng Giám đốc | 1.538.422.300 | 854.589.001 |
| Võ Thanh Bào | Tổng Giám đốc | 253.226.800 | 258.628.572 |
| Vũ Tiến Hùng | Tổng Giám đốc | - | 318.609.570 |
| Trần Hoàng An | Tổng Giám đốc | - | 566.700.000 |
| Trần Vũ Đình Thi | Phó Tổng Giám đốc | 909.521.255 | 351.746.001 |
| Quách Tất Liệt | Phó Tổng Giám đốc | 787.936.944 | - |
| Nguyễn Thị Minh Hồng | Phó Tổng Giám đốc | 280.500.000 | - |
| Vũ Ngọc Long | Phó Tổng Giám đốc | 233.241.486 | - |
| Nguyễn Văn Trị | Phó Tổng Giám đốc | 58.350.900 | 697.640.250 |
| Trần Thị Cẩm Châm | Kế toán trưởng | 706.104.823 | 514.618.784 |
| Tổng thu nhập | | 4.767.304.508 | 3.562.532.178 |

| Thù lao của Ban kiểm soát | Chức danh | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|------------|-------------------|-------------------|
| Hồ Đăng Dân | Trưởng ban | 40.000.000 | 40.000.000 |
| Hồ Lê Hoàng Anh | Thành viên | 25.000.000 | 25.000.000 |
| Nguyễn Bá Ngọc | Thành viên | 25.000.000 | 25.000.000 |
| Tổng thu nhập | | 90.000.000 | 90.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

| Bên liên quan khác | Quan hệ |
|--|-----------------------------------|
| - Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp | Công ty con |
| - Công ty TNHH Lương thực Angimex | Công ty con |
| - Công ty TNHH Angimex Furious | Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex | Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex | Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (*) | Công ty con (cấp 2) |
| - Công ty TNHH Angimex - Kitoku | Công ty liên doanh |
| - Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang | Công ty liên kết |
| - Công ty CP Golden Paddy | Công ty liên kết |
| - Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex | Công ty liên kết |
| - Công ty CP Louis Capital (**) | Công ty thành viên thuộc tập đoàn |

(*) Trở thành công ty con vào ngày 19/12/2022.

(**) Không còn là các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2022 do Louis Holding đã thoái vốn trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2022 đến ngày 26/8/2022.

Giao dịch với các bên liên quan khác

| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty liên doanh, liên kết | 788.458.800 | 1.408.140.000 |
| Công ty con | 489.024.521.971 | 767.773.247.216 |
| Cộng | 489.812.980.771 | 783.861.515.011 |

| Mua hàng hóa và dịch vụ | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty con | 621.582.080.629 | 765.611.638.103 |
| Cộng | 621.582.080.629 | 765.611.638.103 |

| Góp vốn | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty liên doanh, liên kết | 9.800.000.000 | 32.500.000.000 |
| Công ty con | 633.152.694.927 | 20.000.000.000 |
| Cộng | 642.952.694.927 | 52.500.000.000 |

| Giảm vốn | Năm nay | Năm trước |
|-------------|------------------------|-----------|
| Công ty con | 200.010.000.000 | - |
| Cộng | 200.010.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------|----------------|-----------------|
| Chuyển nhượng vốn góp | | |
| Bên liên quan khác | - | 83.300.000.000 |
| Cộng | - | 83.300.000.000 |
| Nhận chuyển nhượng vốn | | |
| Bên liên quan khác | 32.300.000.000 | - |
| Cộng | 32.300.000.000 | - |
| Lợi nhuận được chia | | |
| Công ty liên doanh, liên kết | 1.088.026.603 | 2.234.076.432 |
| Cộng | 1.088.026.603 | 2.234.076.432 |
| Cho vay | | |
| Công ty liên doanh, liên kết | - | 114.060.000.000 |
| Công ty con | 14.600.000.000 | 27.620.000.000 |
| Cộng | 14.600.000.000 | 141.680.000.000 |
| Thu hồi cho vay | | |
| Công ty liên doanh, liên kết | - | 110.460.000.000 |
| Công ty con | 14.600.000.000 | 29.270.106.426 |
| Cộng | 14.600.000.000 | 139.730.106.426 |
| Lãi cho vay | | |
| Công ty liên doanh, liên kết | - | - |
| Công ty con | 398.592.837 | 939.015.131 |
| Cộng | 398.592.837 | 939.015.131 |
| Đi vay | | |
| Công ty con | 47.600.000.000 | - |
| Cộng | 47.600.000.000 | - |
| Trả nợ vay | | |
| Công ty con | 47.600.000.000 | - |
| Cộng | 47.600.000.000 | - |
| Trả lãi vay | | |
| Công ty con | 244.926.027 | - |
| Cộng | 244.926.027 | - |

Số dư với các bên liên quan khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|---------------|
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | |
| Công ty liên doanh, liên kết | - | 9.087.849.371 |
| Cộng | - | 9.087.849.371 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| Công ty liên doanh, liên kết | - | 1.049.190.000 |
| Cộng | - | 1.049.190.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| Phải thu về cho vay ngắn hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty liên doanh, liên kết | - | 12.800.000.000 |
| Cộng | - | 12.800.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty liên doanh, liên kết | - | 530.161.644 |
| Công ty con | 69.887.110.600 | 53.530.187.026 |
| Bên lên quan khác | - | 64.800.000.000 |
| Cộng | 69.887.110.600 | 118.860.348.670 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty con | 108.834.655.205 | - |
| Cộng | 108.834.655.205 | - |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty con | 8.930.880.721 | 125.630.40.020 |
| Cộng | 8.930.880.721 | 125.630.40.020 |
| Phải trả ngắn hạn khác | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty con | 68.856.164 | - |
| Cộng | 68.856.164 | - |
| Vay ngắn hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty con | 1.900.000.000 | - |
| Cộng | 1.900.000.000 | - |

3. Thông tin về bộ phận

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Năm 2022

| | Doanh thu bán hàng nông sản | Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng | Doanh thu khác | Tổng cộng |
|----------------------|------------------------------------|---|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần | 2.780.106.240.843 | - | 35.915.002.560 | 2.816.021.243.403 |
| Giá vốn hàng bán | (2.675.451.441.766) | - | - | (2.675.451.441.766) |
| Lợi nhuận gộp | 104.654.799.077 | - | 35.915.002.560 | 140.569.801.637 |

Năm 2021

| | Doanh thu bán hàng nông sản | Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng | Doanh thu khác | Tổng cộng |
|----------------------|------------------------------------|---|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần | 2.843.579.754.449 | 419.250.006 | 34.720.995.955 | 2.878.720.000.410 |
| Giá vốn hàng bán | (2.763.506.309.450) | (419.250.006) | - | (2.763.925.559.456) |
| Lợi nhuận gộp | 80.073.444.999 | - | 34.720.995.955 | 114.794.440.954 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khu vực địa lý**Năm 2022**

| | Trong nước | Ngoài nước | Tổng cộng |
|----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần | 1.048.728.823.726 | 1.767.292.419.677 | 2.816.021.243.403 |
| Giá vốn hàng bán | (1.009.945.515.092) | (1.665.505.926.674) | (2.675.451.441.766) |
| Lợi nhuận gộp | 39.945.392.834 | 100.624.408.803 | 140.569.801.637 |

Năm 2021

| | Trong nước | Ngoài nước | Tổng cộng |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần | 1.755.624.365.604 | 1.123.095.634.806 | 2.878.720.000.410 |
| Giá vốn hàng bán | (1.663.499.119.660) | (1.100.426.439.796) | (2.763.925.559.456) |
| Lợi nhuận gộp | 92.125.245.944 | 22.669.195.010 | 114.794.440.954 |

4. Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Dưới 1 năm | 861.355.425 | 1.227.448.428 |
| Từ 1 đến 5 năm | 3.445.421.700 | 5.029.793.712 |
| Trên 5 năm | 24.851.735.150 | 18.604.873.508 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 29.158.512.275 | 24.862.115.648 |

5. Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|-----------------------|
| Dưới 1 năm | - | 54.034.835.805 |
| Từ 1 đến 5 năm | - | 34.939.343.220 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | - | 88.974.179.025 |

6. Cam kết góp vốn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex | - | 350.000.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex | - | 9.800.000.000 |
| Cty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex | 24.600.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh Angimex | 20.000.000.000 | - |
| Tổng cộng các khoản góp vốn tối thiểu | 44.600.000.000 | 359.800.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty đã có số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng là 178.173.849.284 VND. Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ) tại ngày 31/12/2022 bị giảm xuống chỉ còn 3.826.150.716 VND, tương đương 2,1% vốn góp của chủ sở hữu.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND (Tại ngày 01/01/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 67.968.085.701 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty và có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết để tái cấu trúc hoạt động của Công ty, giảm khó khăn về nguồn vốn, chi phí lãi vay, giảm lỗ trong thời gian tới.

Cao Phước Qui
Người lập

Trần Thị Cẩm Châm
Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: H.16./XNK-TCKT

An Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2023

(V/v Giải trình lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán – Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 như sau:

I. Giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Trong năm 2022, doanh thu trên BCTC của Angimex giảm 62.699 triệu đồng, tương ứng giảm 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên chi phí bán hàng, logistic lại tăng mạnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả công ty. Đồng thời, công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán 38.565 triệu đồng, trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 43.429 triệu đồng và chi phí tài chính tăng 267.578 triệu đồng (chủ yếu do chi phí lãi vay tăng và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác). Đây là những nguyên nhân chủ yếu làm kết quả kinh doanh năm 2022 lồi.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Trương tự báo cáo riêng, các khoản trích lập dự phòng: dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và chi phí tài chính tăng là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế lồi.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | BCTC riêng | | | | BCTC HN | | | |
|------------------------------------|---------------|---------------|---------------|-------------|---------------|---------------|---------------|-------------|
| | 2022 | 2021 | Chênh lệch | % | 2022 | 2021 | Chênh lệch | % |
| Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ | 2.816.021 | 2.878.720 | -62.699 | -2% | 3.429.849 | 3.924.841 | -494.991 | -13% |
| Giá vốn hàng bán | 2.675.451 | 2.763.926 | -88.474 | -3% | 3.250.301 | 3.690.587 | -440.286 | -12% |
| Lợi nhuận gộp | 140.570 | 114.794 | 25.775 | 22% | 179.548 | 234.253 | -54.705 | -23% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 50.525 | 52.048 | -1.523 | -3% | 75.359 | 47.158 | 28.201 | 60% |
| Chi phí tài chính | 286.278 | 18.700 | 267.578 | 1431% | 163.180 | 27.304 | 135.875 | 498% |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | <i>83.991</i> | <i>12.632</i> | <i>71.359</i> | <i>565%</i> | <i>94.123</i> | <i>21.000</i> | <i>73.123</i> | <i>348%</i> |
| Phần lãi lỗ trong Cty LDLK | 00 | 00 | 00 | 0% | 5.126 | 551 | 4.575 | 830% |
| Chi phí bán hàng | 138.153 | 89.145 | 49.008 | 55% | 200.411 | 176.171 | 24.240 | 14% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 70.378 | 25.207 | 45.171 | 179% | 141.828 | 36.236 | 105.592 | 291% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -303.714 | 33.790 | -337.505 | -999% | -245.384 | 42.252 | -287.636 | -681% |
| Lợi nhuận khác | 14.056 | 1.279 | 12.777 | 999% | 14.925 | 15.337 | -412 | -3% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | -289.658 | 35.069 | -324.727 | -926% | -230.459 | 57.589 | -288.048 | -500% |
| Thuế TNDN | 1.654 | 6.883 | -5.229 | -76% | 2.523 | 12.876 | -10.353 | -80% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | -291.312 | 28.187 | -319.499 | -1134% | -232.983 | 44.712 | -277.695 | -621% |

II. Giải trình chênh lệch KQKD năm 2022 trước và sau kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Lợi nhuận năm 2022 chênh lệch trước và sau kiểm toán giảm thêm 180.283 triệu đồng là do:

- Công ty đã trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng qui định thông tư 48/2019/TT-BTC. Tuy nhiên, kiểm toán đánh giá mức độ tổn thất cao hơn, nên đã trích thêm các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác vào kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Trích bổ sung chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 theo Nghị quyết Chủ sở hữu trái phiếu sau thời điểm Công ty công bố BCTC tự lập.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, Công ty ghi nhận thêm khoản trích bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi vào chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 vào chi phí tài chính đã làm kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ thêm 93.686 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | BCTC riêng 2022 | | | | BCTC HN 2022 | | | |
|------------------------------------|-----------------|---------------|---------------|------------|-----------------|---------------|---------------|------------|
| | Trước kiểm toán | Đã kiểm toán | Chênh lệch | % | Trước kiểm toán | Đã kiểm toán | Chênh lệch | % |
| Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ | 2.840.425 | 2.816.021 | -24.404 | -1% | 3.454.343 | 3.429.849 | -24.494 | -1% |
| Giá vốn hàng bán | 2.699.360 | 2.675.451 | -23.909 | -1% | 3.269.605 | 3.250.301 | -19.304 | -1% |
| Lợi nhuận gộp | 141.065 | 140.570 | -495 | 0% | 184.739 | 179.548 | -5.190 | -3% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 50.525 | 50.525 | 00 | 0% | 75.359 | 75.359 | 00 | 0% |
| Chi phí tài chính | 131.623 | 286.278 | 154.655 | 117% | 142.065 | 163.180 | 21.114 | 15% |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | <i>62.876</i> | <i>83.991</i> | <i>21.114</i> | <i>34%</i> | <i>73.008</i> | <i>94.123</i> | <i>21.114</i> | <i>29%</i> |
| Phần lãi lỗ trong Cty LDLK | - | - | - | - | 9.986 | 5.126 | -4.860 | -49% |
| Chi phí bán hàng | 138.153 | 138.153 | 00 | 0% | 204.956 | 200.411 | -4.545 | -2% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 46.688 | 70.378 | 23.690 | 51% | 76.671 | 141.828 | 65.157 | 85% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -124.875 | -303.714 | -178.839 | 143% | -153.609 | -245.384 | -91.776 | 60% |
| Lợi nhuận khác | 14.056 | 14.056 | 00 | 0% | 15.392 | 14.925 | -467 | -3% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | -110.818 | -289.658 | -178.839 | 161% | -138.217 | -230.459 | -92.243 | 67% |
| Thuế TNDN | 211 | 1.654 | 1,443 | 685% | 1.080 | 2.523 | 1,443 | 134% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | -111.029 | -291.312 | -180.283 | 162% | -139.296 | -232.983 | -93.686 | 67% |

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT

HUỲNH THANH TÙNG